

# NHỮNG CỬ CHỈ MANG Ý NGHĨA CHÀO CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG GIAO TIẾP HIỆN NAY

NGUYỄN THI PHƯƠNG\*

**ABSTRACT:** Today, most researchers on language and culture agree that body gestures convey from 60% to 65% meanings of the message exchanged, while verbal elements convey only from 35% to 40%. This paper summarizes, describes and analyses the meanings and contexts of significant greeting gestures by the Vietnamese people found in 400 formal and casual communicative events. Based on the findings, the paper makes some recommendations on how to use greeting gestures to increase communicative effectiveness and to preserve the Vietnamese cultural identity.

**Keywords:** *Gesture, body language, communication.*

## 1. Dẫn nhập

Theo Nguyễn Quang, trong các kiểu giao tiếp của con người thì giao tiếp ngôn từ hay giao tiếp bằng lời (verbal communication) và giao tiếp phi ngôn từ hay giao tiếp phi lời (nonverbal communication) là hai kiểu cơ bản. Giao tiếp ngôn từ được tiến hành thông qua nội ngôn ngữ (intralanguage), bao gồm: các đơn vị từ vựng (từ đơn, từ ghép, cụm từ, thành ngữ...); các quy tắc ngữ pháp; các quy tắc ngữ âm; các quy tắc sử dụng ngôn ngữ và các kỹ năng tương tác. Giao tiếp phi ngôn từ là “toàn bộ những bộ phận cấu tạo nên giao tiếp không thuộc mã ngôn từ (verbal code), có nghĩa là không được mã hóa bằng từ ngữ nhưng có thể thuộc về cả hai kênh ngôn thanh (vocal) và phi ngôn thanh (non - vocal). Nó bao gồm các yếu tố cận ngôn (paralanguage) (phi ngôn từ - ngôn thanh) như tốc độ, cường độ, ngữ lưu... và các yếu tố ngoại ngôn (extralanguage) (phi ngôn từ - phi ngôn thanh) thuộc ngôn ngữ thân thể như cử chỉ, dáng điệu, diện hiện..., thuộc ngôn ngữ vật thể như quần áo, trang sức..., và thuộc ngôn ngữ môi trường như khoảng cách đối thoại, địa điểm giao tiếp...” [Nguyễn Quang (2008): 11-12].

\* Viện Ngôn ngữ học.

Như vậy, theo Nguyễn Quang, ngoại ngôn chia thành 3 loại là ngôn ngữ thân thể (body language), ngôn ngữ vật thể (object language) và ngôn ngữ môi trường (environmental language)

Thuật ngữ *body language* mà Nguyễn Quang gọi là ngôn ngữ thân thể còn có thể được dịch sang tiếng Việt là: *ngôn ngữ cơ thể, ngôn ngữ cử chỉ, ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ*. Mỗi tác giả lựa chọn sử dụng một thuật ngữ theo kiến giải của riêng mình. Trong bài viết này, chúng tôi lựa chọn sử dụng thuật ngữ *ngôn ngữ cử chỉ*.

Hiện có hai quan niệm cơ bản về ngôn ngữ cử chỉ:

Cách hiểu thứ nhất coi *ngôn ngữ cử chỉ* chỉ giới hạn trong các chuyển động của các bộ phận trên cơ thể. Cách hiểu thứ hai cho rằng ngôn ngữ cử chỉ không chỉ gồm các động tác của bộ phận cơ thể mà còn gồm cả các yếu tố *vật thể* (quần áo, trang sức, phụ kiện...) và các yếu tố *môi trường* (khoảng cách giao tiếp...) có liên quan đến đối tượng giao tiếp. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi coi ngôn ngữ cử chỉ là những yếu tố phi ngôn từ, có khả năng truyền đạt thông tin như ngôn từ hoặc có giá trị bổ sung cho ngôn từ trong giao tiếp, bằng việc sử dụng động tác của các bộ phận trên cơ thể, như cách cử động chân tay, dáng người, khuôn mặt... Đây là cách hiểu có nội hàm phù hợp với thuật ngữ chúng tôi đã lựa chọn sử dụng.

Trên thế giới, ngôn ngữ cử chỉ đã được quan tâm nghiên cứu khá nhiều. Và hầu hết các nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng ngôn ngữ cử chỉ có vai trò rất quan trọng (truyền tải khoảng 60 đến 65% ý nghĩa xã hội) trong một cuộc giao tiếp. Nếu như ngôn từ chủ yếu được dùng để trao đổi thông tin thì ngôn ngữ cử chỉ chủ yếu được dùng để trao đổi cảm xúc, thái độ giữa các nhân vật giao tiếp. Trong một số hoàn cảnh nó có thể được dùng thay hoàn toàn cho lời nói. Trong bất cứ một nền văn hóa nào, khi giao tiếp, lời nói cũng thường gắn chặt với động tác của người phát ngôn.

Ở Việt Nam, các nhà ngôn ngữ học như Hoàng Tuệ, Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hòa, Đỗ Hữu Châu, Hồ Lê, Nguyễn Thiện Giáp... đều đã thừa nhận sự tham gia tích cực của các yếu tố về mặt, cử chỉ, dáng điệu cũng như vai trò quan trọng của chúng trong các cuộc giao tiếp bằng ngôn từ. Nhận định của tác giả Nguyễn Thiện Giáp (2000) cho rằng: "Trong hội thoại, chúng ta giao tiếp bằng toàn bộ cơ thể chúng ta, bằng tất cả giác quan mà ta có. Những yếu tố phi lời xuất hiện song song với các tín hiệu bằng lời" [Nguyễn Thiện Giáp (2000): 93] cũng là nhận định chung của nhiều tác giả.

Mặc dù nhiều nhà Việt ngữ học đề cao vai trò của ngôn ngữ cử chỉ trong giao tiếp song các nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam còn rất hạn chế.

Tác giả Phi Tuyết Hinh (1996), Nguyễn Thục Khánh (1999) chỉ ra hai chức năng cơ bản của ngôn ngữ cử chỉ là thay lời và kèm lời. Trước đó,



hai tác giả này cùng với các cộng sự cũng đã bước đầu miêu tả một số cử chỉ điệu bộ trong giao tiếp của người Việt theo từng bộ phận cơ thể như một cuốn “từ điển” nhỏ về thứ ngôn ngữ này [Phi Tuyết Hinh, Nguyễn Thục Khánh, Lê Thanh Kim, Đào Thanh (1995)]. Nguyễn Quang (2008) thì bàn đến khái niệm và cách phân loại cử chỉ cùng ý nghĩa của chúng trong các nền văn hóa khác nhau. Tác giả Nguyễn Văn Khang (2014) cũng đã bước đầu chỉ ra sự ảnh hưởng của một vài các nhân tố xã hội đối với sự sử dụng cử chỉ của người Việt trong giao tiếp. Ngoài ra, ngôn ngữ cử chỉ cũng là đề tài nghiên cứu của một số ít luận văn đại học, thạc sĩ trong đó chủ yếu là tìm hiểu về hệ thống ngôn ngữ nghệ thuật miêu tả cử chỉ của các nhân vật trong tác phẩm văn học.

Có thể nói, dù ngôn ngữ cử chỉ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc chuyển tải các thông điệp giao tiếp nhưng ở Việt Nam, nó chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều. Các nghiên cứu hầu như mới chỉ ra được những đặc điểm khái quát nhất hoặc một khía cạnh rời rạc nào đó của ngôn ngữ cử chỉ trên tư liệu trong các tác phẩm văn học là chủ yếu, đặc biệt chưa đi sâu vào ý nghĩa của cử chỉ gắn với đối tượng và phạm vi giao tiếp.

Trong bài viết này, chúng tôi cố gắng tổng hợp, miêu tả và phân tích ý nghĩa và phạm vi sử dụng các cử chỉ mang ý nghĩa chào tiêu biểu của người Việt trong giao tiếp hiện nay qua tư liệu khảo sát là 400 tình huống giao tiếp quy thức và phi quy thức. Theo văn hóa truyền thống, người Việt Nam rất coi trọng các nghi thức, đặc biệt là lời chào, coi “lời chào cao hơn mâm cỗ”. Nghi thức chào diễn ra thường xuyên và phổ biến ở mọi lúc, mọi nơi, mọi đối tượng.

Tác giả Hoàng Tuệ (1984) cho rằng lời chào "là một tín hiệu ngôn ngữ. Phát ra tín hiệu ấy là muốn thiết lập hay duy trì quan hệ với người mình chào, với một đối tượng giao tiếp. Trong hoàn cảnh nhất định, chỉ lời chào là đủ. Trong hoàn cảnh khác, lời chào còn kèm theo cái bắt tay, và có thể cả nụ cười" [Hoàng Tuệ (1984)]. Tuy nhiên, trong giao tiếp của người Việt hiện nay, lời chào không chỉ đi kèm với cái bắt tay, với nụ cười nữa mà có rất nhiều cử chỉ phong phú biểu hiện ý nghĩa chào như: gật đầu, cúi người, khoanh tay, vẫy tay, giơ tay, đấm tay, vỗ vai, hất hàm, nháy mắt..., thậm chí là ôm, hôn. Trong nhiều trường hợp, chỉ cần một cử chỉ là đủ để người Việt chào nhau, không cần kèm thêm bất cứ một lời nói nào.

## 1.2. Cử chỉ biểu thị ý nghĩa chào trong các giao tiếp quy thức của người Việt hiện nay

Nói đến chào trong các giao tiếp quy thức, trước hết phải nói đến nghi thức chào trong lực lượng vũ trang. Chào là một động tác được quy định chặt chẽ và là một trong những bài huấn luyện điều lệnh, đội ngũ đầu tiên của các chiến sĩ bộ đội và công an.



Động tác *chào* cơ bản của lực lượng vũ trang Việt Nam được thực hiện như sau: Tư thế đứng nghiêm; tay phải đưa lên phía trước theo đường gần nhất và ngón tay giữa đặt ở vị trí bên phải vành mũ (nếu đội mũ) và ở vị trí cao ngang lông mày bên phải (nếu không đội mũ), năm ngón tay khép lại và duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống hơi chếch về trước; bàn tay và cánh tay dưới thành một đường thẳng, cánh tay trên nâng lên vuông góc với thân người; đầu ngay ngắn, mắt nhìn thẳng vào đối tượng mình chào. Động tác *thời chào* cơ bản: tay phải đưa xuống theo đường gần nhất về tư thế đứng nghiêm.

Ngoài ra, động tác *chào* còn được quy định trong từng trường hợp như: *nhìn bên phải/ bên trái chào; chào khi đi ngược chiều/ cùng chiều; chào báo cáo*. Cụ thể như sau:

Khi *nhìn bên phải/ bên trái chào* thì mặt đánh lên 15 độ, quay sang phải hoặc trái 45 độ, chào. Khi đang đi ngược chiều, khi cách nhau khoảng 3 đến 5 bước, thực hiện động tác *chào* đồng thời quay mặt nhìn người được chào, khi đã đi qua hoặc người được chào đã chào lại mới bỏ tay xuống, tiếp tục đi bình thường. Trường hợp đang đi cùng chiều, khi đến ngang bên trái người mình vượt thì gơ tay, *quay mặt chào* nhưng vẫn tiếp tục đi, khi đi qua mới bỏ tay xuống.

Khi báo cáo, động tác *chào* được quy định như sau: Người báo cáo đến trước mặt cấp trên cách từ 3 đến 5 bước, dừng lại, đứng nghiêm và chào. Khi cấp trên chào đáp lễ xong mới được báo cáo. Trong khi báo cáo vẫn giữ tay chào. Sau khi báo cáo xong nói *hết* mới được bỏ tay xuống, chờ cấp trên ra chỉ thị. Nếu cấp trên ra chỉ thị, phải nói *rõ* rồi làm động tác *chào* trước khi rời vị trí.



Có thể thấy, chào là nghi thức bắt đầu và kết thúc của mọi cuộc giao tiếp, là động tác bắt buộc phải thực hiện đối với mọi đối tượng trong lực lượng vũ trang. Cùng với những quy tắc nghiêm ngặt khác, động tác chào cũng được quy định hết sức chặt chẽ, là một trong những động tác cơ bản đầu tiên làm nên tác phong của quân nhân và người chiến sĩ công an nhân dân Việt Nam.

Một nghi thức chào phổ biến trong các giao tiếp quy thức của người Việt hiện nay là bắt tay. Đây là một cử chỉ mang thông điệp chào của phương Tây được du nhập vào Việt Nam từ thời thực dân phong kiến. Nó bắt nguồn

từ một nghi thức thời nguyên thủy, khi gặp nhau, người ta chia bàn tay mở ra phía đối phương để chứng minh mình không mang vũ khí. Cái bắt tay thời nay được dùng thay cho lời chào nhằm thể hiện sự thiện chí, quý mến, trân trọng và mối thiện tình, gặp ở rất nhiều đối tượng cả nam và nữ, khi đã thân quen hoặc ngay lần đầu gặp mặt.

Hiện nay, bắt tay là một cách chào rất phổ biến trong các giao tiếp ở môi trường quy thức của người Việt. Ngay cả nữ giới, mặc dù ít hơn nam nhưng vẫn có thể sử dụng cử chỉ này một cách rất tự nhiên. Tuy nhiên, đối với người Việt, người chủ động bắt tay thường là người có vị thế cao hơn, nam giới thường chủ động bắt tay còn phụ nữ chỉ chủ động khi có địa vị và quyền lực cao hơn hẳn đối phương.

*Chào bằng cái bắt tay cũng có nhiều biến thể. Cái bắt tay trung tính trong giao tiếp quy thức là “giơ tay phải ngang tầm thắt lưng (lòng bàn tay mở hơi chếch lên phía trên, riêng ngón cái để tách hẳn ra), nắm lấy bàn tay phải của người tiếp xúc với mình rồi rung lắc nhẹ” [Lê Thị Mai Ngân (2009): 116]. Cái bắt tay với ý nghĩa chào trong giao tiếp quy thức thường đi kèm nụ cười và ánh mắt nhìn vào đối phương với lời chào lịch thiệp kiểu như: Chào ông/ bà/ anh/ chị...! Rất vui/ hân hạnh được gặp/ đón tiếp ông/ bà/ anh/ chị...*



*Bắt tay bằng cách nắm cả hai bàn tay, giữ lâu hơn là một biến thể khác thể hiện với một sự chân tình, có thể đi kèm với một sự cam kết hoặc một lời hứa, đôi khi còn là biểu hiện của sự bịn rịn, không muốn rời xa, thường dùng trong trường hợp hai đối tượng giao tiếp có vị thế ngang bằng với nhau và có mối quan hệ thân thiết, gắn bó.*





Biến thể thứ ba là: Một người *dùng cả hai bàn tay để đỡ lấy bàn tay của người kia*, thể hiện sự tôn kính của người có vị thế giao tiếp thấp hơn đối với người có vị thế cao hơn.



Ngoài ra, cách bắt tay chặt hay lỏng, thời gian nhanh hay lâu, có kèm theo nụ cười hay không, có kèm theo những câu nói chân tình hay không ngoài thông điệp *chào* còn phản ánh thái độ, tình cảm, cá tính của các đối tượng giao tiếp. Bắt tay là một cách chào hỏi lịch sự, nhưng đối với người Việt, trong một số ít trường hợp vẫn không được đánh giá cao. Một cái bắt tay kiểu “cá sụn”, giờ bàn tay thẳng đuột và lạnh lẽo ra cho đối phương nắm lấy cho thấy sự trịch thượng, kể cả, bề trên sẽ gây phản cảm. Hoặc cái bắt tay theo kiểu dùng các ngón tay mân mê hay siết quá chặt bàn tay cộng với thái độ cợt nhả trong ánh mắt và nụ cười khi bắt tay phụ nữ là một hành động không nghiêm túc và thiếu tôn trọng... Cách bắt tay còn ẩn rất nhiều “nét nghĩa” tinh tế khác mà trong phạm vi của bài này chúng tôi chưa có điều kiện tìm hiểu sâu.

Các buổi hội họp cũng là một môi trường giao tiếp quy thức tiêu biểu của người Việt. Trong những buổi lễ này, người có địa vị xã hội và quyền lực thường được trân trọng giới thiệu với tư cách các vị đại biểu, các vị khách quý. Trong các cuộc họp, nhân sự mới cũng thường được chủ tọa giới thiệu với mọi người. Theo truyền thống của người Việt Nam, đối tượng được giới thiệu sẽ đứng lên chào tập thể. Trong trường hợp này, do không gian giao tiếp khá rộng và đối tượng giao tiếp là một tập thể đông người nên thường thông điệp *chào* chỉ được truyền đi bằng cử chỉ. Những cử chỉ này cũng vô cùng phong phú, nó phản ánh vị thế, thái độ và thói quen cá nhân của người thực hiện hành vi chào. Có thể kể đến các cử chỉ sau:

*Cúi đầu* hoặc *cúi cả người* thể hiện ý nghĩa chào kèm theo thái độ tôn trọng người được chào ở mức độ cao. Đi kèm với cử chỉ này có thể là *tư thế đứng với hai tay thẳng xuôi theo thân* hoặc *hai tay chắp lại với nhau ở phía trước thân*.



Cúi chào hai tay xuôi thẳng



Cúi chào hai tay chắp phía trước

Đối với nữ giới, cử chỉ *cúi chào* thường đi kèm *tư thế đứng* và *động tác đặt cánh tay lên trước ngực* để biểu thị nét đẹp dịu dàng, e ấp của phụ nữ Á Đông. Một số ít trường hợp *cúi chào* ở tư thế ngồi. Tuy nhiên, với người Việt, *cúi chào* ở tư thế đứng bao giờ cũng được đánh giá là lịch sự hơn.



Cúi chào tư thế đứng



Cúi chào tư thế ngồi

Cử chỉ *cúi chào* cũng thường sử dụng trong giao tiếp quy thức ở các trường học. Học sinh, đặc biệt là lứa tuổi mầm non và tiểu học thường chào các thầy cô giáo bằng cách *khoanh tay trước ngực/ bụng* và *cúi người*. Do truyền thống của người Việt, trẻ được giáo dục từ rất sớm về tinh thần “tôn sư trọng đạo”, “kính trên nhường dưới” nên ngay từ rất nhỏ trẻ đã hình thành thói quen *khoanh tay, cúi đầu chào* người lớn. Tuy nhiên, đối với lứa tuổi lớn hơn, cử chỉ *khoanh tay* dần mất đi, học sinh khi chào thầy cô giáo thường chỉ cần *hơi cúi đầu* hoặc *người* với một tư thế và *nét mặt nghiêm túc* là đủ. Cử chỉ thể hiện hành vi chào thầy cô giáo của học sinh phải luôn có sự kết hợp với một lời chào có kính ngữ như *Em/ Chúng em chào thầy/ cô ạ!* mới được coi là đầy đủ và lễ phép.



Học sinh tiểu học chào thầy giáo

Có thể thấy, *cúi chào* là một cử chỉ rất quen thuộc ở hầu hết các nước phương Đông. Tuy nhiên, so với Nhật Bản, Hàn Quốc thì có thể thấy biên độ động tác *cúi người* của người Việt nhỏ hơn. Người Việt thường chỉ *cúi nhẹ người* và trong thời gian ngắn, động tác nhẹ nhàng hơn so với người Nhật, người Hàn. Hơn nữa, đối với người Việt, *cúi chào* là một cử chỉ đem lại nhiều thiện cảm trong giao tiếp nhưng không phải là một quy tắc bắt buộc được quy định chặt chẽ như người Nhật hoặc người Hàn. Tuy nhiên, người Việt



luôn đánh giá cao thái độ và ý thức của những người thực hiện cử chỉ này. Chính vì vậy, bức ảnh ghi lại giây phút một hoa hậu *chấp tay, cúi gập người* tại sân bay chào báo giới và người hâm mộ trong ngày trở về sau một cuộc thi nhan sắc được truyền thông và xã hội đánh giá rất cao vì cùng là màn chào hỏi, nhưng tư thế *cúi người* kính cẩn của người đẹp này đã giúp cô để lại dấu ấn đậm nét hơn hẳn so với việc *ngẩng cao đầu, vẫy tay* như các người đẹp trước đó vẫn làm.



Hiện nay, người quản lí, nhân viên lễ tân, nhân viên phục vụ tại các siêu thị, nhà hàng, khách sạn hoặc một số công sở như: ngân hàng, các trung tâm chăm sóc khách hàng, bệnh viện,... ở Việt Nam cũng thường *cúi đầu* với *hai bàn tay đặt lên nhau ở phía trước* và *mỉm cười* để chào và cảm ơn khách hàng. Có thể đây là sự học hỏi phong cách của người Nhật Bản nhằm gây ấn tượng tốt với khách hàng về sự tôn trọng, hiếu khách:



Nhân viên Việt Nam chào khách hàng



Nhân viên Nhật cúi chào khách hàng

Quay lại các trường hợp những người có địa vị được giới thiệu trước đám đông, để thực hiện hành vi *chào*, người Việt còn thường dùng cử chỉ *chấp hai tay trước ngực*. Cử chỉ này cũng có các biến thể khác nhau: *hai bàn tay phẳng, chấp vào nhau* hoặc *bàn tay hình chữ C nắm vào nhau*. Đi kèm với cử chỉ này thường là động tác *xoay người, mắt nhìn về phía cử tọa* và *mỉm cười*.



Hai biến thể của kiểu chào chấp tay



Trong nhiều trường hợp, vẫn là cử chỉ *chấp tay* nhưng lại có biến thể khác là người được giới thiệu lại đưa cánh tay cao lên *ngang đầu* hoặc *trên đầu*. Đây là kiểu chào thể hiện của người thực hiện hành vi *chào* ý thức rất rõ về địa vị và quyền lực của mình.



*Vỗ tay* cũng là một cử chỉ truyền thông điệp *chào*. Người được giới thiệu đứng dậy *vỗ tay* chào những người tham dự. Đây là một cử chỉ “bất chước” hành vi của đối tượng giao tiếp (cử tọa) biểu thị thái độ thân thiện, hoà đồng đối với những người được chào.

*Vỗ tay* còn là cử chỉ đám đông dùng để chào đón, chào mừng một người hoặc một nhóm người nào đó, thể hiện niềm vui và sự yêu mến cao độ dành cho đối tượng. Cử chỉ *vỗ tay* thường kèm theo *nụ cười*, *khôn mặt* và *ánh mắt hướng về phía đối tượng*.



Vỗ tay chào



Vỗ tay chào đón

*Vẫy tay*, *giơ tay* cũng là những cử chỉ người Việt thường dùng để thay cho lời chào trong cả giao tiếp quy thức và phi quy thức. Đây là cử chỉ biểu thị sắc thái thân thiện, hoà đồng, thường dùng để chào những đối tượng ở không gian xa. Cử chỉ *vẫy tay* được tạo ra bởi *cánh tay giơ cao hơn đầu* với *lòng bàn tay hướng về phía đối tượng giao tiếp* và *chuyển động đều đặn theo phương ngang*. Kiểu chào này rất hay được những người phụ nữ đẹp sử dụng vì tính chất mềm mại, nữ tính của nó. *Giơ tay* chào với một *bàn tay ngang đầu*, *lòng bàn tay hướng về phía đối tượng giao tiếp* cũng là một cử chỉ phổ biến có thể bắt gặp ở mọi đối tượng ở cả hai giới với địa vị xã hội và lứa tuổi khác nhau trong cộng đồng người Việt.



Vẫy tay chào



Giơ tay chào

1.3. Cử chỉ biểu thị ý nghĩa chào trong các giao tiếp phi quy thức của người Việt hiện nay

Trong các giao tiếp phi quy thức, lời chào được thể hiện bằng những cử chỉ khá phong phú. Người ta vẫn có thể sử dụng các cử chỉ như *bắt tay*, *cúi đầu*, *gật đầu*, *giơ tay*, *vẫy tay* để chào nhau như trong các giao tiếp quy thức. Chẳng hạn như cử chỉ *bắt tay* không chỉ được dùng trong các cuộc giao tiếp mang tính chất nghi lễ, trang trọng của những người “mặc Vest và đeo cà vạt” mà còn được những người Việt trẻ tuổi dùng như một cách chào phổ biến và thoải mái trong các giao tiếp hàng ngày như bạn bè chào nhau khi đến thăm nhà, bắt tay làm quen, tạm biệt trong các cuộc gặp mặt với không gian và bối cảnh rất đời thường. Hay hình ảnh trẻ nhỏ *khoanh tay cúi chào* ông bà, cha mẹ và những người lớn tuổi vẫn là một nét văn hóa quen thuộc đang được duy trì trong đại đa số gia đình Việt.

Ngoài ra, trong các giao tiếp phi quy thức, người Việt còn thường sử dụng cả những cử chỉ thể hiện thông điệp *chào* một cách thân mật, suồng sã như *hắt hàm*, *nháy mắt*, *đắm tay*, *đập tay*, *vỗ vai*...

Cử chỉ *vỗ vai* chuyên tải thông điệp *chào* với sắc thái thân mật, gần gũi. Cử chỉ này thường được sử dụng ở nam giới, với hai đối tượng có tuổi tác và vị thế xã hội ngang nhau như bạn bè, đồng nghiệp.

Cử chỉ *đắm tay* (hai đối tượng giao tiếp *nắm bàn tay* và *chạm* vào nhau ở vị trí ngang mặt), hoặc *đập tay* (hai đối tượng giao tiếp *đập bàn tay vào nhau* ở vị trí ngang mặt) mang ý nghĩa *chào* với sắc thái thân thiết và vui nhộn, thường được sử dụng bởi những người Việt trẻ tuổi, cả nam và nữ.



Chào bằng cách vỗ vai



Chào bằng cách đắm tay



Cử chỉ hắt hàm có thể là một hành động chào thân mật, suồng sã chỉ được sử dụng trong giao tiếp đời thường và giữa những người có quan hệ ngang hàng (về tuổi tác/ địa vị xã hội) hoặc của người có vai xã hội (tuổi tác hoặc vị thế xã hội) cao hơn dành cho người có vai xã hội thấp hơn.

Hiện nay, ôm, hôn má và hôn trán cũng là một trong những cách chào của người Việt. Nó được dùng trong trường hợp các đối tượng giao tiếp có quan hệ tình cảm gần gũi như: những người trong gia đình, vợ chồng, người yêu, thậm chí là bạn bè thân thiết. Ở nhiều gia đình người Việt trẻ hiện nay, nhất là các gia đình sống ở khu vực thành thị, cha mẹ và con cái, vợ và chồng thường có cử chỉ ôm, thơm má, thơm trán khi gặp mặt hay tạm biệt để thể hiện “lời chào” đầy yêu thương, trìu mến. Riêng cử chỉ hôn môi thay cho lời chào hiếm gặp hơn nhưng cũng đã xuất hiện ở những cặp vợ chồng, những đôi tình nhân không chỉ trong những không gian riêng tư mà còn ở những nơi công cộng như đường phố, sân bay, bến tàu...



Cặp tình nhân chào tạm biệt nhau ở sân bay

Tóm lại, trong thực tế giao tiếp, có khá nhiều cử chỉ được sử dụng với ý nghĩa chào. Đó có thể là các cử chỉ kèm lời chào nhưng rất nhiều trường hợp chúng được dùng độc lập. Ví dụ, các cử chỉ bắt tay, giơ tay, vỗ vai... có thể đi kèm với những lời chào trực tiếp như: *Chào cô!*, *Chào bác!*, *Chào anh!*... cũng có thể đi kèm những lời chào gián tiếp như: *Đi đâu đấy?*, *Dạo này thế nào?*, *Khỏe không?*, *Mới về hả?*, *Đi nhé!*... Nhưng đôi khi, trong các tình huống giao tiếp, nhất là các giao tiếp phi quy thức, chỉ cần một nụ cười, một cái gật đầu nhẹ, một cái hắt hàm hay nháy mắt hay hôn gió cũng đã là một lời chào trọn vẹn và ý nghĩa hơn mọi lời nói. Bởi chỉ khi có một mối quan hệ thân thiết, một sự hiểu biết nhất định về đối phương người Việt mới dùng những cử chỉ thân mật như vậy để chào. Trong những trường hợp này, chỉ cần “nhìn là hiểu”.

#### 1.4. Vài nhận xét về việc sử dụng cử chỉ biểu thị ý nghĩa chào của người Việt trong giao tiếp hiện nay

Ngôn ngữ cử chỉ được dùng để truyền thông điệp như một lời chào của người Việt qua tư liệu khảo sát của chúng tôi khá phong phú và đa dạng. Hầu hết các cử chỉ biểu hiện ý nghĩa chào của người Việt đều có thể dùng cả khi



gặp mặt và khi tạm biệt. Trong các giao tiếp quy thức, các cử chỉ này thường đi kèm theo lời chào mang tính chất hiển ngôn để đảm bảo tính nghi thức và lịch sự tối đa. Tuy nhiên trong một số hoàn cảnh cụ thể, đặc biệt là trong môi trường phi quy thức, những cử chỉ này có thể được dùng độc lập mà không vi phạm bất cứ một nguyên tắc hội thoại nào.

Cũng cần lưu ý rằng, mặc dù các cử chỉ đã phân tích ở trên cùng truyền tải ý nghĩa chào, tuy nhiên mỗi cử chỉ lại có sự khác biệt một cách tinh tế về sắc thái ý nghĩa, sắc thái biểu cảm và phạm vi sử dụng. Chẳng hạn như cử chỉ khoanh tay, cúi đầu chỉ được sử dụng trong trường hợp người có vai xã hội thấp (về tuổi tác hoặc vị thế xã hội) chào người có vai xã hội cao hơn để biểu thị sự kính trọng và lễ phép. Cử chỉ đấm tay, đập tay thường chỉ sử dụng ở giới trẻ để biểu thị sự thân mật, suồng sã... Vì vậy, việc lựa chọn cử chỉ ngôn ngữ nào để chào hỏi phải được sử dụng linh hoạt tùy thuộc mục đích, hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp cụ thể mới có thể đem lại hiệu quả giao tiếp cao.

Các cử chỉ biểu hiện ý nghĩa chào chịu sự ảnh hưởng không nhỏ của yếu tố văn hóa và xã hội. Trong giao tiếp của người Việt trước đây, các cử chỉ như vái lạy, chắp tay, cúi rạp được sử dụng khá phổ biến với ý nghĩa như một lời chào thể hiện thái độ cung kính của người có vị thế xã hội thấp với người có vị thế xã hội cao hơn (ví dụ như người dân với quan lại hoặc vua chúa). Tuy nhiên, hiện nay, các cử chỉ này hầu như không được sử dụng do đã có sự thay đổi về cơ cấu xã hội cùng các quan niệm về giai cấp. Đây cũng là một minh chứng cho thấy sự thay đổi của ngôn ngữ cử chỉ theo các yếu tố xã hội.

Ôm và hôn trước đây là một nghi thức chào chỉ tồn tại ở các nước phương Tây. Tại các quốc gia này, trong các nghi thức xã giao thông thường, người ta thường chào nhau bằng một cái ôm hoặc một cái hôn má, hôn tay. Trước đây, trong cách chào gặp mặt hay tạm biệt của người Việt hầu như không xuất hiện những cử chỉ này do Việt Nam và các nước Á Đông có quan niệm phải bảo vệ không gian cá nhân, giữ khoảng cách nhất định giữa nam và nữ, “nam nữ thụ thụ bất thân”. Tuy nhiên, hiện nay, với sự du nhập mạnh mẽ của văn hóa phương Tây, cử chỉ ôm, hôn cũng đã bắt đầu được những người Việt trẻ tuổi sử dụng với ý nghĩa chào tuy chỉ ở phạm vi hạn chế. Điều này cho thấy, sự giao lưu giữa các nền văn hoá cũng có những ảnh hưởng nhất định đến việc sử dụng ngôn ngữ cử chỉ.

Sự giao thoa văn hóa còn để lại dấu vết ở một số cử chỉ chào mà người Việt thường sử dụng. Ví dụ như chào bằng cách cúi thấp người của người Việt có nhiều nét giống cách chào truyền thống của người Nhật, người Hàn. Chào bằng cách chắp tay phía trước và hơi cúi đầu mang hơi hướng cách chào



truyền thống của người Thái Lan. Chào bằng cách hai bàn tay khum chữ C đặt lên nhau có dấu vết cách chào truyền thống của người Trung Quốc. Hiện nay, trong xu thế hội nhập, sự ảnh hưởng qua lại giữa các nền văn hóa là khó tránh khỏi, tuy nhiên, để hòa nhập nhưng không hòa tan, người Việt cần phải giữ nét văn hóa đặc trưng của mình trong mọi lĩnh vực, ngay từ những điều nhỏ như những nghi thức chào. Thực tế là hiện nay người Việt sử dụng quá nhiều cử chỉ mang thông điệp chào nhưng ngay cả trong môi trường giao tiếp quy thức, rất khó có thể xác định được đâu là nghi thức chào truyền thống của người Việt. Trong khi đó, ở Nhật Bản, nghi thức chào truyền thống được quy định khá chặt chẽ. Người Nhật có ba kiểu cúi chào là: kiểu Eshaku (cúi đầu và thân mình xuống khoảng  $15^{\circ}$ ) dùng với bạn bè, đồng nghiệp hoặc người ngang hàng, cùng cấp bậc với mình; kiểu Keirei (cúi đầu và thân mình xuống khoảng  $30^{\circ}$ ) được dùng trong lần đầu gặp mặt, các cuộc hội họp quan trọng, sử dụng với khách hàng, cấp trên hoặc những người lớn tuổi hơn mình; kiểu Saikeirei (cúi gập người  $45^{\circ}$ ) là kiểu chào trang trọng nhất, thể hiện sự tôn kính đối phương một cách chân thành bằng cả tấm lòng. Tư thế cúi chào chuẩn cũng được quy định, người chào phải đứng chụm hai chân lại, mình cúi về phía trước, phần eo và chân giữ thẳng. Ngoài ra, còn phải chú ý đến khoảng cách với đối phương không quá gần, bởi người Nhật vốn không thích tiếp xúc quá gần, đặc biệt là lần đầu gặp mặt. Tư thế chào của nam và nữ cũng được quy định khác nhau. Đối với nam, khi chào hai bàn tay duỗi thẳng, các ngón tay khép lại, hai cánh tay sát bên sườn thật tự nhiên và cúi xuống. Đối với nữ, hai bàn tay cũng duỗi thẳng nhưng tay phải đặt lên tay trái tạo thành hình chữ V, các ngón tay duỗi thẳng và cúi chào.



Cử chỉ chào của nam người Nhật



Cử chỉ chào của nữ người Nhật

Trương tự, Hàn Quốc và Thái Lan cũng là những quốc gia có những nghi thức chào hỏi truyền thống được quy định khá chặt chẽ đối với từng cử chỉ.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là Việt Nam cũng cần phải nghiên cứu và xây dựng một bộ quy tắc chuẩn mực cho nghi thức chào truyền thống của dân tộc, ít nhất là trong các giao tiếp quy thức. Đặc biệt, đối với một số nghi thức chào mang tính trang trọng, biểu lộ tinh thần quốc gia, lòng tự tôn dân tộc như nghi thức chào hỏi trong các giao tiếp ở lĩnh vực đối ngoại thì nhất định cần phải

quy định một cách thống nhất và chuẩn mực, nhằm tạo ra hình ảnh đẹp, hiện đại, đậm đà bản sắc Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

Một vấn đề nữa hiện đang được xã hội quan tâm và đề cao đó là văn hóa công sở. Đây được coi đó là một thước đo giá trị, một trong những nguồn lực thúc đẩy sự phát triển của một cơ quan, doanh nghiệp. Cách chào cũng chính là một biểu hiện đầu tiên và rõ ràng nhất của văn hóa này. Vì vậy, nhiều công ti, doanh nghiệp (đặc biệt là những doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân) ở Việt Nam hiện nay đã xây dựng và quy định những nghi thức chào hỏi, yêu cầu đội ngũ nhân viên phải thực hiện một cách chuẩn mực trong các giao tiếp tại nơi làm việc, đặc biệt là các giao tiếp với khách hàng. Thiết nghĩ đây cũng là một việc làm tích cực và thiết thực trong việc xây dựng văn hóa công sở, tạo dấu ấn riêng về sự nghiêm túc và chuyên nghiệp của các cơ quan, doanh nghiệp, góp phần phát triển đất nước và góp phần xây dựng một hình ảnh đẹp về con người Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Allan & Barbara Pease (2008), *Cuốn sách hoàn hảo về ngôn ngữ cơ thể*, Nxb Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Tuệ (1984), *Lời chào với cái bắt tay và nụ cười*, T/c Ngôn ngữ, Số 2.
3. Joe Navarro (2009), *Lời nói có đáng tin*, người dịch Lê Huy Lâm, Nxb Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Lê Thị Mai Ngân (2009), *Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong một số tiểu thuyết và truyện ngắn Việt Nam hiện đại*, Luận văn Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
5. Nguyễn Quang (2008), *Giao tiếp phi ngôn từ qua các nền văn hóa*, Nxb KHXH, Hà Nội.
6. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
7. Nguyễn Thục Khánh (1999), *Bước đầu tìm hiểu giá trị thông báo của ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ ở người Việt Nam trong giao tiếp*, T/c Ngôn ngữ, Số 3.
8. Nguyễn Văn Khang (2014), *Giao tiếp ngôn ngữ của người Việt và các nhân tố chi phối*, đề tài NCKH cấp Bộ, Viện Ngôn ngữ học.
9. Phi Tuyết Hinh (1996), *Thử tìm hiểu về ngôn ngữ của cử chỉ, điệu bộ*, T/c Ngôn ngữ, Số 4.
10. Phi Tuyết Hinh, Nguyễn Thục Khánh, Lê Thanh Kim, Đào Thân (1995), *Bước đầu miêu tả cử chỉ điệu bộ trong giao tiếp của người Việt*, Đề tài cấp Viện, Viện Ngôn ngữ học.
11. Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb GD, Hà Nội.